

THÔNG BÁO

Về các tham số kỹ thuật để quy đổi Điểm xét tuyển năm 2026 của trường DHSP Hà Nội

Thực hiện hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo và những nguyên tắc đã công bố, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tiến hành chạy dữ liệu quy đổi điểm xét tuyển sinh bậc Đại học hệ Chính quy năm 2026, dưới đây là các tham số để thực hiện quy đổi.

1. Đối với Phương thức xét tuyển 2, dành cho nhóm thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội đăng ký xét tuyển vào Trường DHSP Hà Nội:

a) Điểm thành tích t

Diện	t_1	t_2	t_3	t_4	t_5	t_6	t_7	t_8	t_9	t_{10}
A	26,00	25,50	25,00	24,50	24,00	23,50	23,00	22,50	22,00	21,50
A-NN	21,00	20,00	19,00	18,00	17,00	16,00	15,50	15,33	15,17	15,00
T	22,75	22,00	21,25	20,50	19,75	19,00	18,25	17,50	16,75	16,00
N	27,00	26,00	25,00	24,00	23,00	22,00	21,00	20,00		

A-NN bao gồm các ngành: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc

b) Điểm khuyến khích (nếu có): $n_1 = 0,5$; $n_2 = 0,5$. Nếu thí sinh không thuộc diện được khuyến khích thì $n_1 = 0$ hoặc $n_2 = 0$, hoặc $n_1 = n_2 = 0$.

Tại Phụ lục 1 là bảng tra cứu kết quả quy đổi tại một số mốc điểm học vấn nền h , dành cho thí sinh có $n_1 = n_2 = 0$.

2. Đối với Phương thức xét tuyển 3 dành cho nhóm thí sinh sử dụng kết quả thi SPT 2026: Danh mục 110 tổ hợp quy đổi được trình bày trong Phụ lục 2.1; **Các mốc quy đổi chính** giữa điểm tổ hợp SPT 2026 sang điểm tổ hợp TN THPT được trình bày tại Phụ lục 2.2.

Đồ thị của các hàm quy đổi được đưa tại Phụ lục 2.3. Giữa hai **mốc quy đổi chính** liên tiếp trong Phụ lục 2.2 còn có những **mốc quy đổi trung gian** sinh ra đường gấp khúc (không phải là đoạn thẳng) nối hai **mốc quy đổi chính** đó.

Điểm quy đổi theo tất cả các tổ hợp có thể của từng thí sinh được tính tự động bằng phần mềm quy đổi và công bố theo 02 cách: tải lên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GDĐT; chứng nhận cho từng thí sinh tại Cổng tra cứu <https://openlookup.hnue.edu.vn/> của Trường DHSP Hà Nội trong thời hạn quy định của Bộ GDĐT (và theo Thông báo 886/TB-DHSPHN ngày 30/6/2026).

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH, BGDDT (để bc);
- Các trường đối tác sử dụng kết quả SPT 2026; (để tham khảo, sử dụng);
- Lưu: VT, KT.



PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

**PHỤ LỤC 1: TRACUUKẾTQUẢQUYĐOÀITẠIMỘTSỐMÓCDIỂM HỌC VẤN NỀN
DÀNH CHO TRƯỜNG HỢP THÍ SINH CÓ $h \geq 5, n_1 = n_2 = 0$**

Bảng 1.1. Diện A

Thứ tự ưu tiên	A1.1	A1.2	A2.1	A2.2	A2.3	A3	A4.1	A4.2	A4.3	A4.4
t	26,00	25,50	25,00	24,50	24,00	23,50	23,00	22,50	22,00	21,50
h										
5,00	28,00	27,60	27,18	26,73	26,27	25,80	25,31	24,81	24,30	23,78
5,50	28,20	27,83	27,44	27,03	26,60	26,15	25,69	25,21	24,73	24,23
6,00	28,40	28,07	27,71	27,33	26,93	26,52	26,09	25,65	25,19	24,72
6,50	28,60	28,30	27,98	27,64	27,28	26,91	26,51	26,11	25,68	25,25
7,00	28,80	28,54	28,26	27,96	27,64	27,31	26,96	26,59	26,21	25,82
7,50	29,00	28,78	28,54	28,28	28,01	27,72	27,42	27,10	26,77	26,42
8,00	29,20	29,02	28,83	28,62	28,39	28,15	27,90	27,63	27,35	27,06
8,50	29,40	29,26	29,11	28,95	28,78	28,59	28,40	28,19	27,97	27,74
9,00	29,60	29,51	29,41	29,30	29,18	29,05	28,91	28,77	28,62	28,46
9,50	29,80	29,75	29,70	29,65	29,58	29,52	29,45	29,37	29,29	29,21
10,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00

Bảng 1.2. Diện A-NN, khối ngành ngoại ngữ

Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc

Thứ tự ưu tiên	A1.1	A1.2	A2.1	A2.2	A2.3	A3	A4.1	A4.2	A4.3	A4.4
t	21,00	20,00	19,00	18,00	17,00	16,00	15,50	15,3333	15,1667	15,00
h										
5,00	25,50	24,67	23,79	22,87	21,93	20,95	20,28	19,85	19,43	19,02
5,50	25,95	25,18	24,37	23,52	22,63	21,71	21,07	20,64	20,22	19,82
6,00	26,40	25,70	24,96	24,18	23,36	22,51	21,90	21,49	21,08	20,68
6,50	26,85	26,23	25,56	24,85	24,11	23,34	22,78	22,38	22,00	21,62
7,00	27,30	26,75	26,17	25,55	24,89	24,20	23,69	23,33	22,97	22,62
7,50	27,75	27,29	26,79	26,26	25,69	25,09	24,65	24,33	24,00	23,68
8,00	28,20	27,82	27,42	26,98	26,51	26,02	25,65	25,37	25,09	24,82
8,50	28,65	28,36	28,05	27,71	27,35	26,97	26,68	26,46	26,24	26,02
9,00	29,10	28,91	28,69	28,46	28,22	27,95	27,75	27,59	27,44	27,28
9,50	29,55	29,45	29,34	29,23	29,10	28,96	28,86	28,78	28,69	28,61
10,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00

Bảng 1.3. Diện N, các ngành Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật

Thứ tự ưu tiên	N1.1	N1.2	N1.3	N2.1	N2.2	N2.3	N3	N4
t	27,00	26,00	25,00	24,00	23,00	22,00	21,00	20,00
h								
5,00	23,88	23,06	22,24	21,39	20,53	19,66	18,78	17,89
5,50	24,49	23,74	22,96	22,17	21,35	20,53	19,69	18,83
6,00	25,1	24,41	23,70	22,96	22,21	21,44	20,65	19,84
6,50	25,71	25,09	24,45	23,78	23,09	22,38	21,66	20,91
7,00	26,33	25,78	25,21	24,62	24,01	23,37	22,72	22,04
7,50	26,94	26,47	25,99	25,48	24,94	24,39	23,82	23,23
8,00	27,55	27,17	26,77	26,35	25,91	25,45	24,97	24,48
8,50	28,16	27,87	27,56	27,24	26,90	26,54	26,16	25,78
9,00	28,78	28,58	28,37	28,14	27,91	27,66	27,4	27,13
9,50	29,39	29,29	29,18	29,06	28,94	28,82	28,68	28,54
10,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00

Bảng 1.4. Diện T, ngành Giáo dục thể chất

Thứ tự ưu tiên	T1.1	T1.2	T1.3	T2.1	T2.2	T2.3	T3.1	T3.2	T3.3	T4
t	22,75	22,00	21,25	20,50	19,75	19,00	18,25	17,50	16,75	16,00
h										
1,00	23,48	22,64	21,80	20,98	20,16	19,35	18,55	17,75	16,96	16,18
2,00	24,20	23,36	22,52	21,67	20,83	19,98	19,14	18,31	17,48	16,66
3,00	24,93	24,13	23,31	22,49	21,65	20,81	19,96	19,11	18,27	17,42
4,00	25,65	24,92	24,16	23,39	22,59	21,78	20,96	20,13	19,30	18,45
5,00	26,38	25,73	25,06	24,36	23,63	22,89	22,13	21,35	20,56	19,75
5,50	26,74	26,14	25,52	24,87	24,19	23,49	22,76	22,02	21,27	20,50
6,00	27,10	26,56	25,99	25,39	24,76	24,11	23,44	22,75	22,03	21,30
6,50	27,46	26,98	26,47	25,93	25,36	24,76	24,15	23,51	22,85	22,18
7,00	27,83	27,40	26,95	26,48	25,97	25,44	24,89	24,32	23,72	23,11
7,50	28,19	27,83	27,45	27,04	26,60	26,14	25,67	25,17	24,64	24,10
8,00	28,55	28,26	27,94	27,61	27,25	26,87	26,47	26,05	25,62	25,16
8,50	28,91	28,69	28,45	28,19	27,91	27,62	27,31	26,98	26,64	26,28
9,00	29,28	29,12	28,96	28,78	28,59	28,39	28,18	27,95	27,71	27,46
9,50	29,64	29,56	29,48	29,39	29,29	29,19	29,07	28,96	28,83	28,70
10,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00

PHỤ LỤC 2.1. DANH MỤC CÁC TỔ HỢP QUY ĐỔI



<https://byvn.net/xmjq>

PHỤ LỤC 2.2. CÁC MỐC QUY ĐỔI CHÍNH TỪ ĐIỂM TỔ HỢP SPT 2026 SANG ĐIỂM TN THPT

- Cách đọc thông tin: Ghép cột "THPT" với một cột mang tên tổ hợp để xem mức điểm tương ứng theo tổ hợp từ SPT sang THPT. VD: ghép cột "THPT" với cột "A001" và xem hàng 4 cho thấy: 24.38 điểm SPT_A001 tương ứng với 28.50 điểm TN THPT cùng khối; Các bảng chỉ hiển thị từ mức 15 điểm TN THPT trở lên.

- Giữa hai **Mốc quy đổi chính** liên tiếp trong các bảng còn có những **mốc quy đổi trung gian** sinh ra đường gấp khúc (không phải là đoạn thẳng, là một phần của đồ thị tại Phụ lục 2.2.) nối hai điểm **Mốc quy đổi chính** đó.

STT	THPT	A00	A001	A01	A011	A02	A03	A04	A05	A07	B00	B001
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	25.75	25.78	27.25	27.31	28.50	28.79	29.22	28.50	27.50	24.38	24.75
3	29.00	25.25	25.13	26.98	26.55	27.00	27.57	28.44	27.00	25.00	23.75	23.44
4	28.50	24.50	24.38	26.10	25.74	25.50	26.36	27.66	25.50	23.69	23.00	22.81
5	28.00	24.00	23.44	25.20	25.03	24.38	25.14	26.88	24.00	23.56	22.50	22.03
6	27.50	23.00	22.75	24.78	24.18	23.75	23.93	26.10	22.50	22.50	21.50	21.25
7	27.00	22.25	22.00	24.03	23.56	22.88	22.71	25.32	21.00	21.83	20.88	20.69
8	26.50	21.50	21.15	23.45	22.91	22.38	21.50	24.54	19.75	21.50	20.25	19.88
9	26.00	20.75	20.41	22.90	22.22	21.75	21.00	23.76	18.75	20.75	19.50	19.06
10	25.50	20.00	19.49	22.25	21.67	21.13	19.83	22.98	18.50	20.25	18.75	18.27
11	25.00	19.25	18.75	21.60	20.85	20.00	19.50	22.20	17.50	19.50	18.00	17.36
12	24.50	18.50	17.88	21.05	20.31	19.50	19.00	21.42	16.75	18.85	17.34	16.67
13	24.00	17.75	17.19	20.40	19.61	19.00	18.25	20.64	16.60	18.18	16.50	15.72
14	23.50	17.10	16.31	19.90	18.94	18.50	17.94	19.86	15.85	17.85	16.00	15.08
15	23.00	16.50	15.70	19.30	18.44	18.25	17.10	19.08	15.18	17.00	15.25	14.56
16	22.50	15.85	15.13	18.80	17.68	17.69	16.93	18.30	14.79	16.25	14.75	14.00
17	22.00	15.25	14.51	18.20	17.03	17.25	16.25	17.52	14.50	15.85	14.25	13.56
18	21.50	14.75	14.06	17.60	16.45	16.75	16.10	16.75	13.96	15.25	13.50	12.93
19	21.00	14.35	13.46	17.05	15.95	16.25	15.60	16.25	13.35	14.60	13.20	12.53
20	20.50	13.85	12.86	16.65	15.53	15.75	15.40	15.93	13.15	14.20	12.75	12.15
21	20.00	13.35	12.40	16.15	14.91	15.52	14.71	15.52	12.75	13.50	12.35	11.58
22	19.50	12.87	11.82	15.60	14.42	14.93	14.50	15.09	12.38	12.85	11.85	11.16
23	19.00	12.40	11.44	15.20	13.80	14.60	14.09	14.50	11.79	12.35	11.44	10.66
24	18.50	11.90	11.16	14.65	13.23	14.25	13.87	14.25	11.50	11.73	10.88	10.21
25	18.00	11.45	10.75	14.10	12.82	13.98	13.33	13.60	11.20	10.85	10.30	9.83
26	17.50	10.97	10.29	13.65	12.23	13.47	12.85	13.37	10.73	10.50	10.15	9.63
27	17.00	10.70	9.89	13.25	11.77	13.30	12.66	12.83	10.27	10.06	9.88	9.50
28	16.50	10.35	9.60	12.50	11.40	13.01	12.17	12.35	10.00	9.60	9.54	9.15
29	16.00	10.02	9.28	12.19	11.04	12.46	11.85	11.99	9.51	9.26	9.21	8.68
30	15.50	9.65	8.94	11.75	10.52	11.96	11.43	11.63	9.24	9.02	8.85	8.32
31	15.00	9.24	8.57	11.25	9.98	11.60	10.80	11.00	8.88	8.29	8.52	8.12

STT	THPT	B02	B03	B08	C00	C001	C01	C02	C03	C04	C05	C06
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	29.26	28.21	29.07	28.23	28.70	27.35	26.17	27.20	28.71	28.00	28.94
3	29.00	28.52	26.43	28.13	26.45	27.39	24.70	24.18	24.40	27.43	26.00	27.87
4	28.50	27.78	24.64	27.20	25.45	25.90	24.48	24.03	22.83	26.14	24.86	26.81
5	28.00	27.04	22.98	26.27	24.35	24.49	24.25	21.90	22.50	24.93	24.59	25.74
6	27.50	26.30	22.10	25.33	23.75	23.80	23.45	21.20	21.95	23.79	22.25	24.68
7	27.00	25.56	21.50	24.40	22.90	22.95	22.95	20.35	21.00	22.65	21.65	23.65
8	26.50	24.83	20.15	23.47	22.20	22.16	21.70	19.45	20.10	22.15	21.15	22.95
9	26.00	24.09	19.75	22.35	21.55	21.41	20.75	18.70	19.20	21.25	20.40	22.55
10	25.50	23.35	18.85	20.75	20.85	20.70	20.15	17.60	18.45	20.40	19.85	22.15
11	25.00	22.61	17.70	20.42	20.15	19.99	19.25	16.95	17.90	19.70	18.70	21.30
12	24.50	21.87	16.95	20.05	19.60	19.43	18.60	16.15	17.30	19.10	18.05	20.65
13	24.00	21.13	16.35	19.50	18.90	18.78	17.95	15.45	16.65	18.45	17.40	20.12
14	23.50	20.39	15.60	19.05	18.20	18.11	17.15	14.70	16.15	17.90	16.95	19.65
15	23.00	19.65	15.20	18.68	17.65	17.63	16.65	14.10	15.55	17.30	16.40	19.20

STT	THPT	B02	B03	B08	C00	C001	C01	C02	C03	C04	C05	C06
16	22.50	18.91	14.75	18.25	17.05	16.93	16.15	13.50	15.10	16.70	15.95	18.95
17	22.00	18.17	14.15	17.20	16.40	16.46	15.55	13.00	14.60	16.20	15.30	18.35
18	21.50	17.43	13.95	16.85	15.85	15.83	14.90	12.45	14.20	15.55	14.75	17.94
19	21.00	16.69	13.60	16.45	15.40	15.31	14.40	12.00	13.70	14.95	14.31	17.40
20	20.50	15.95	13.30	15.20	14.90	14.72	14.05	11.65	13.20	14.50	13.95	17.05
21	20.00	15.21	12.14	14.90	14.35	14.23	13.30	11.15	12.75	13.85	13.55	16.55
22	19.50	14.48	11.80	14.32	13.82	13.74	12.80	10.85	12.35	13.25	13.05	16.10
23	19.00	13.75	11.35	13.75	13.45	13.13	12.45	10.35	11.80	12.80	12.45	15.75
24	18.50	13.33	10.97	12.90	12.88	12.59	11.85	9.87	11.35	12.20	11.95	15.37
25	18.00	12.94	10.58	12.60	12.34	12.21	11.39	9.70	11.05	11.65	11.40	15.10
26	17.50	12.52	10.37	12.40	11.82	11.84	10.90	9.45	10.73	11.20	10.90	14.44
27	17.00	12.00	10.22	11.00	11.38	11.48	10.52	9.17	10.42	10.65	10.60	14.04
28	16.50	11.59	10.09	10.67	11.06	11.12	10.14	8.88	10.08	10.25	10.25	13.58
29	16.00	10.99	9.70	10.45	10.73	10.80	9.77	8.74	9.76	9.90	9.98	13.28
30	15.50	10.50	9.15	9.65	10.37	10.48	9.41	8.66	9.43	9.63	9.59	12.75
31	15.00	10.15	8.54	9.15	10.01	10.16	9.20	8.58	9.08	9.17	9.16	12.20

STT	THPT	C07	C08	C09	C10	C13	D01	D011	D012	D013	D07	D071
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	29.12	28.43	29.29	28.92	29.30	28.57	28.29	28.86	28.55	27.13	28.20
3	29.00	28.24	26.86	28.59	27.84	28.59	27.13	26.58	27.72	27.09	24.25	25.03
4	28.50	27.37	25.29	27.88	26.75	27.89	25.70	25.21	26.59	25.86	24.23	24.41
5	28.00	26.49	23.73	27.18	25.67	27.18	24.57	23.89	25.37	24.86	24.20	24.13
6	27.50	25.61	22.20	26.47	24.59	26.48	23.55	22.78	24.02	23.74	23.67	23.76
7	27.00	24.73	21.17	25.77	23.51	25.77	22.70	22.10	23.23	23.07	23.13	23.23
8	26.50	23.85	20.20	25.06	22.43	25.07	22.10	21.38	22.28	22.33	22.60	22.76
9	26.00	22.97	19.75	24.35	21.35	24.37	21.35	20.49	21.59	21.81	21.73	21.76
10	25.50	22.10	19.20	23.65	20.26	23.66	20.55	19.60	20.68	21.15	21.15	21.34
11	25.00	21.22	18.65	22.94	19.18	22.96	19.80	18.71	20.03	20.55	20.88	20.89
12	24.50	20.34	17.10	22.24	18.10	22.25	19.10	18.04	19.31	19.89	20.50	19.98
13	24.00	19.45	16.40	21.53	17.60	21.55	18.45	17.35	18.70	19.29	19.80	19.26
14	23.50	19.20	15.90	20.83	17.10	20.84	17.85	16.80	18.08	18.75	18.95	18.49
15	23.00	18.45	15.25	20.12	16.37	20.14	17.30	16.10	17.51	18.26	18.50	17.88
16	22.50	17.95	14.45	19.41	15.95	19.44	16.70	15.51	16.84	17.70	18.05	17.30
17	22.00	17.75	13.95	18.71	15.45	18.73	16.15	14.93	16.24	17.14	17.20	16.54
18	21.50	17.16	13.80	18.00	15.00	18.03	15.55	14.39	15.61	16.60	16.75	15.95
19	21.00	16.68	13.08	17.58	14.40	17.32	15.00	13.90	15.06	15.99	16.10	15.13
20	20.50	16.35	12.75	17.05	14.15	16.62	14.40	13.35	14.55	15.49	15.45	14.44
21	20.00	15.90	12.50	16.48	13.45	15.91	13.95	12.93	14.03	14.96	14.55	14.01
22	19.50	15.60	12.10	16.10	13.20	15.11	13.45	12.49	13.51	14.44	14.25	13.25
23	19.00	14.80	11.80	15.40	12.75	14.65	12.85	12.08	13.01	13.91	13.60	12.41
24	18.50	14.65	11.43	15.10	12.39	13.95	12.45	11.65	12.44	13.42	13.05	11.95
25	18.00	14.17	10.85	14.30	11.87	13.61	11.95	11.23	11.88	12.86	12.50	11.50
26	17.50	13.84	10.43	13.98	11.55	12.97	11.55	10.80	11.44	12.38	11.90	10.97
27	17.00	13.27	10.24	13.47	11.14	12.65	11.00	10.35	10.84	11.81	11.20	10.72
28	16.50	12.81	10.08	13.15	10.85	12.16	10.55	9.98	10.42	11.29	10.80	10.34
29	16.00	12.23	9.87	12.45	10.31	11.74	10.03	9.45	9.96	10.73	10.39	8.84
30	15.50	11.88	9.69	11.95	9.92	11.33	9.59	9.02	9.49	10.18	10.05	8.07
31	15.00	11.27	9.52	11.47	9.54	10.73	9.05	8.59	9.02	9.78	9.38	7.61

STT	THPT	D08	D09	D093	D10	D11	D12	D13	D14	D143	D15	D153
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	29.07	25.13	25.82	28.00	28.80	28.44	28.95	27.28	27.26	28.76	28.61
3	29.00	28.13	22.62	22.68	26.00	27.60	26.87	27.91	24.55	24.53	27.51	27.23
4	28.50	27.20	22.46	22.63	24.00	26.40	25.31	26.86	24.15	23.94	26.27	25.84
5	28.00	26.27	22.30	22.58	22.77	25.20	23.75	25.82	23.75	23.66	25.02	24.54
6	27.50	25.33	21.80	22.30	22.31	24.73	22.18	24.77	23.45	23.35	24.08	23.59
7	27.00	24.40	21.30	21.45	21.85	24.15	21.27	23.68	22.65	22.64	23.55	23.29

STT	THPT	D08	D09	D093	D10	D11	D12	D13	D14	D143	D15	D153
8	26.50	23.47	20.33	21.08	21.80	23.45	21.00	22.54	21.50	21.98	22.90	22.60
9	26.00	22.35	19.65	20.39	20.95	23.10	20.83	21.40	21.10	21.33	22.60	22.01
10	25.50	20.75	19.10	19.86	20.45	22.45	20.65	20.25	20.60	20.83	21.95	21.56
11	25.00	20.42	18.60	19.05	19.65	22.00	20.60	20.05	20.10	20.10	21.45	20.93
12	24.50	20.05	18.00	18.54	19.15	21.20	20.05	19.85	19.45	19.59	20.60	20.33
13	24.00	19.50	17.20	17.96	18.55	20.70	19.90	19.65	18.90	19.13	19.85	19.66
14	23.50	19.05	16.60	17.40	18.10	20.00	19.25	19.60	18.30	18.64	19.30	19.24
15	23.00	18.68	16.20	16.84	17.60	19.55	18.70	19.10	17.75	18.09	18.65	18.43
16	22.50	18.25	15.70	16.35	16.80	18.95	17.95	18.75	17.25	17.65	18.10	17.76
17	22.00	17.20	15.20	15.90	16.15	18.35	17.20	18.04	16.65	17.06	17.65	17.18
18	21.50	16.85	14.70	15.41	15.45	18.00	16.65	17.36	16.00	16.50	17.10	16.86
19	21.00	16.45	14.20	14.88	14.95	17.45	15.90	17.12	15.45	16.00	16.45	16.49
20	20.50	15.20	13.65	14.48	14.60	16.85	15.40	16.80	14.95	15.38	16.00	16.09
21	20.00	14.90	13.10	13.86	14.20	16.50	14.95	16.30	14.45	14.93	15.45	15.76
22	19.50	14.32	12.55	13.40	13.50	16.00	14.15	15.65	13.90	14.30	14.80	15.13
23	19.00	13.75	12.05	12.83	12.90	15.65	13.60	15.15	13.40	13.73	14.10	14.40
24	18.50	12.90	11.50	12.19	12.50	15.05	12.80	14.76	12.80	13.31	13.40	13.93
25	18.00	12.60	11.10	11.69	12.00	14.60	12.35	14.28	12.40	12.76	12.85	13.30
26	17.50	12.40	10.70	11.14	11.00	14.15	11.90	13.60	11.86	12.26	12.05	12.68
27	17.00	11.00	10.25	10.71	10.70	13.90	11.48	11.26	11.33	11.85	11.65	11.98
28	16.50	10.67	9.75	10.19	10.10	13.25	11.02	11.06	10.91	11.18	11.15	11.31
29	16.00	10.45	9.50	9.76	9.10	12.79	10.36	10.81	10.38	10.73	10.73	10.91
30	15.50	9.65	9.20	9.29	8.57	12.35	8.89	10.37	9.84	10.36	10.21	10.41
31	15.00	9.15	8.60	8.96	8.35	11.54	8.86	9.98	9.55	9.73	9.62	10.08

STT	THPT	X01	X02	X03	X04	X06	X061	X07	X09
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	29.12	28.85	28.64	28.82	28.44	28.17	28.65	29.30
3	29.00	28.25	27.70	27.27	27.64	26.89	26.34	27.30	28.61
4	28.50	27.37	26.55	25.91	26.46	25.33	24.52	25.95	27.91
5	28.00	26.49	25.39	24.54	25.28	23.78	22.69	24.60	27.21
6	27.50	25.62	24.24	23.18	24.11	22.60	22.19	23.25	26.51
7	27.00	24.74	23.09	21.81	22.93	22.25	21.53	22.50	25.82
8	26.50	20.80	21.90	20.45	21.75	21.85	21.27	22.00	25.12
9	26.00	19.85	20.88	19.98	20.57	21.45	20.53	20.75	24.42
10	25.50	19.65	20.40	19.72	19.39	21.00	19.81	20.41	23.72
11	25.00	19.30	19.45	19.47	18.35	20.50	18.94	20.23	23.03
12	24.50	18.40	18.85	17.95	17.88	19.10	17.71	20.05	22.33
13	24.00	17.75	18.15	15.85	17.40	18.44	17.14	19.39	21.63
14	23.50	17.05	17.40	15.40	16.78	17.75	16.26	18.25	20.94
15	23.00	16.20	16.67	14.78	15.95	17.00	16.15	16.00	20.24
16	22.50	15.70	16.50	14.15	15.71	16.84	15.96	15.50	19.54
17	22.00	15.30	16.05	13.45	15.28	16.60	15.71	15.00	18.84
18	21.50	14.90	15.67	13.31	14.91	16.00	15.61	14.50	18.15
19	21.00	14.45	15.25	13.24	14.46	15.67	15.48	13.75	17.45
20	20.50	14.10	14.78	12.75	14.00	15.43	15.19	13.35	16.75
21	20.00	13.70	14.10	12.45	13.70	15.22	14.36	13.20	16.06
22	19.50	13.30	13.82	12.36	12.85	14.94	13.76	13.13	15.36
23	19.00	12.85	13.18	12.29	12.40	14.46	13.04	12.85	14.66
24	18.50	12.30	12.68	12.22	12.05	13.45	12.53	12.40	13.96
25	18.00	11.95	12.32	11.95	11.75	13.13	11.98	12.14	13.27
26	17.50	11.40	11.95	11.52	11.20	13.00	11.66	12.04	12.57
27	17.00	11.10	11.60	11.11	10.85	11.70	10.99	11.96	11.87
28	16.50	10.70	11.19	10.88	10.55	11.60	10.60	11.88	11.17
29	16.00	10.32	10.87	10.13	10.25	10.79	10.27	11.63	10.48
30	15.50	10.03	10.70	9.34	9.87	10.51	9.14	11.26	9.77
31	15.00	9.92	10.47	8.73	9.49	10.23	9.10	10.87	9.50

STT	THPT	X10	X13	X14	X16	X17	X18	X19	X20	X21	X23	X24
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	28.82	29.36	29.29	29.06	27.74	28.85	29.07	29.16	28.73	29.30	29.14
3	29.00	27.65	28.72	28.57	28.11	25.49	27.70	28.15	28.32	27.46	28.61	28.29
4	28.50	26.47	28.08	27.86	27.17	23.23	26.55	27.22	27.48	26.18	27.91	27.43
5	28.00	25.29	27.44	27.14	26.22	20.98	25.39	26.29	26.65	24.91	27.21	26.57
6	27.50	24.12	26.80	26.43	25.28	19.73	24.24	25.36	25.81	23.64	26.52	25.71
7	27.00	22.94	26.16	25.71	24.33	19.48	23.09	24.44	24.97	22.37	25.82	24.86
8	26.50	21.76	25.52	25.00	23.39	19.23	21.90	23.51	24.13	21.09	25.12	24.00
9	26.00	20.59	24.88	24.29	22.44	18.88	20.88	22.58	23.29	19.82	24.43	23.14
10	25.50	19.88	24.24	23.57	21.50	18.43	20.40	21.66	22.45	18.55	23.73	22.29
11	25.00	18.75	23.60	22.86	20.56	18.18	19.45	20.73	21.62	18.43	23.03	21.43
12	24.50	18.34	22.97	22.14	19.61	18.13	18.85	19.80	20.78	18.31	22.34	20.57
13	24.00	17.50	22.33	21.43	18.67	17.65	18.15	18.88	19.94	17.70	21.64	19.71
14	23.50	16.50	21.69	20.71	17.72	17.05	17.40	17.95	19.10	17.27	20.94	18.86
15	23.00	16.10	21.05	20.00	17.00	16.65	16.67	17.02	18.26	16.83	20.25	18.00
16	22.50	15.45	20.41	19.28	16.50	16.10	16.50	16.09	17.42	16.30	19.55	17.14
17	22.00	15.00	19.77	18.57	15.75	15.70	16.05	15.17	16.58	15.40	18.85	16.29
18	21.50	14.75	19.13	17.86	15.34	15.47	15.67	14.24	15.75	15.06	18.16	15.43
19	21.00	14.13	18.49	17.14	14.68	15.28	15.25	13.31	14.91	14.60	17.46	14.89
20	20.50	13.85	17.85	16.43	14.54	14.90	14.78	12.66	14.07	14.35	16.77	14.53
21	20.00	13.14	17.21	15.71	14.15	14.55	14.10	12.20	13.43	13.70	16.07	13.93
22	19.50	12.60	16.57	15.00	13.65	14.00	13.82	11.95	12.80	13.40	15.37	13.41
23	19.00	12.40	15.93	14.28	13.35	13.60	13.18	11.88	12.23	13.02	14.68	12.93
24	18.50	11.58	15.29	13.57	13.00	12.70	12.68	11.81	11.82	12.60	13.98	12.25
25	18.00	11.35	14.65	12.68	11.96	12.15	12.32	11.67	11.36	12.38	13.28	11.50
26	17.50	10.87	14.01	12.35	11.50	11.67	11.95	11.30	11.13	12.29	12.59	11.00
27	17.00	10.49	13.37	11.93	11.30	11.17	11.60	10.93	10.59	11.86	11.89	10.60
28	16.50	10.08	12.73	11.60	10.90	10.75	11.19	10.43	10.23	10.84	11.19	10.30
29	16.00	9.85	12.09	11.08	10.42	10.63	10.87	10.20	9.94	10.12	10.50	9.74
30	15.50	9.31	11.45	10.85	10.05	10.15	10.70	9.58	9.67	9.80	9.71	9.51
31	15.00	9.12	10.81	10.30	9.77	9.90	10.47	8.70	9.37	9.67	9.51	9.18

STT	THPT	X25	X26	X27	X53	X55	X59	X60	X61	X62	X66	X67
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	28.97	29.05	29.06	29.30	29.09	29.21	28.99	29.08	29.35	29.39	29.32
3	29.00	27.94	28.11	28.12	28.59	28.17	28.42	27.99	28.15	28.70	28.79	28.64
4	28.50	26.91	27.16	27.18	27.89	27.26	27.63	26.98	27.23	28.04	28.18	27.97
5	28.00	25.88	26.21	26.24	27.19	26.35	26.83	25.98	26.30	27.39	27.57	27.29
6	27.50	24.85	25.26	25.30	26.48	25.43	26.04	24.97	25.38	26.74	26.97	26.61
7	27.00	23.82	24.32	24.36	25.78	24.52	25.25	23.96	24.46	26.09	26.36	25.93
8	26.50	20.75	23.37	23.42	25.08	23.61	24.46	22.96	23.53	25.43	25.76	25.25
9	26.00	20.40	22.42	22.48	24.37	22.69	23.67	21.95	22.61	24.78	25.15	24.57
10	25.50	20.05	21.60	21.55	23.67	21.78	22.88	21.52	21.69	24.13	24.54	23.90
11	25.00	19.82	20.55	20.61	22.97	20.87	22.09	21.36	20.76	23.48	23.94	23.22
12	24.50	19.20	20.15	19.67	22.26	19.95	21.30	21.20	19.85	22.82	23.33	22.54
13	24.00	18.20	19.80	18.73	21.56	19.04	20.35	19.80	19.50	22.17	22.72	21.86
14	23.50	17.20	18.75	17.79	20.86	18.13	19.65	17.60	19.15	21.52	22.12	21.18
15	23.00	16.10	18.51	16.85	20.15	17.21	19.15	17.15	18.70	20.87	21.51	20.50
16	22.50	15.25	17.95	15.91	19.45	16.30	18.58	16.51	18.05	20.21	20.91	19.83
17	22.00	14.95	17.20	14.97	18.75	15.90	18.21	15.87	17.35	19.56	20.30	19.15
18	21.50	14.60	16.25	14.45	18.04	15.34	17.80	15.30	16.95	18.91	19.69	18.47
19	21.00	13.70	15.95	13.90	17.34	14.82	17.45	15.08	16.75	18.26	19.09	17.79
20	20.50	13.30	15.45	13.42	16.64	14.31	17.05	14.99	16.24	17.60	18.48	17.11
21	20.00	12.80	15.00	12.55	15.93	14.07	16.44	14.50	15.80	16.95	17.87	16.43
22	19.50	12.45	14.60	12.10	15.23	13.71	15.96	14.30	15.30	16.30	17.27	15.76
23	19.00	11.85	14.03	11.59	14.53	13.28	15.57	14.07	14.54	15.65	16.66	15.08

STT	THPT	X25	X26	X27	X53	X55	X59	X60	X61	X62	X66	X67
24	18.50	11.65	13.65	11.47	13.83	12.88	14.93	13.95	14.15	14.99	16.06	14.40
25	18.00	11.30	13.13	11.35	13.12	12.60	14.46	13.84	13.58	14.34	15.45	13.72
26	17.50	11.00	12.40	10.90	12.58	11.73	13.91	13.63	13.02	13.69	14.84	13.16
27	17.00	10.74	12.17	10.40	12.01	11.29	13.60	13.21	12.45	13.04	14.24	12.75
28	16.50	10.20	11.46	10.31	11.48	10.89	13.25	12.71	11.95	12.38	13.63	12.42
29	16.00	10.00	11.05	10.24	11.25	10.71	12.79	12.06	11.45	11.73	13.02	12.19
30	15.50	9.63	10.67	10.17	10.81	10.16	12.48	11.36	10.95	11.08	12.42	11.90
31	15.00	9.37	10.17	9.84	10.39	9.85	12.12	10.66	10.46	10.43	11.81	11.58

STT	THPT	X70	X701	X71	X74	X741	X78	X79	Y07	Y09
1	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
2	29.50	28.50	28.79	29.22	29.10	29.16	28.97	29.15	29.33	29.11
3	29.00	27.00	27.59	28.45	28.19	28.32	27.93	28.29	28.66	28.21
4	28.50	25.50	26.38	27.67	27.29	27.48	26.90	27.44	27.98	27.32
5	28.00	24.00	25.17	26.89	26.39	26.64	25.87	26.18	27.31	26.42
6	27.50	22.25	23.97	26.12	25.48	25.80	24.83	24.90	26.64	25.53
7	27.00	22.05	22.20	25.34	24.58	24.96	23.80	24.15	25.97	24.63
8	26.50	21.60	21.71	24.56	23.67	24.12	22.85	23.33	25.29	23.74
9	26.00	20.98	21.38	23.79	22.77	23.28	21.90	22.75	24.62	22.84
10	25.50	20.57	20.56	23.01	22.25	22.47	20.92	22.05	23.95	21.95
11	25.00	20.20	20.03	22.23	21.90	21.99	20.65	21.53	23.28	21.05
12	24.50	19.50	19.59	21.46	20.75	20.79	19.75	20.88	22.60	20.16
13	24.00	19.15	18.86	20.68	20.25	19.96	19.70	20.38	21.93	19.20
14	23.50	18.35	18.30	19.90	19.50	19.31	18.65	19.80	21.26	18.35
15	23.00	17.90	17.74	19.13	18.55	18.66	17.75	19.23	20.59	18.27
16	22.50	17.50	17.28	18.35	18.05	17.98	17.55	18.73	19.92	17.70
17	22.00	17.15	16.88	17.57	17.55	17.44	17.20	18.15	19.24	17.25
18	21.50	16.75	16.48	16.80	17.33	16.74	16.80	17.58	18.57	16.48
19	21.00	16.05	15.80	16.02	16.50	16.22	16.15	17.25	17.90	15.86
20	20.50	15.35	15.15	15.20	15.80	15.83	15.35	16.43	17.23	15.66
21	20.00	14.70	14.71	14.65	15.45	15.55	14.55	15.90	16.55	14.90
22	19.50	14.30	14.26	14.40	15.15	15.07	14.20	15.30	15.88	14.65
23	19.00	13.95	13.85	13.76	14.75	14.69	13.90	14.70	15.21	13.80
24	18.50	13.59	13.15	13.33	14.39	14.41	13.55	14.10	14.54	13.40
25	18.00	13.09	12.80	13.00	14.07	14.05	13.30	13.55	13.86	12.95
26	17.50	12.59	12.32	12.57	13.42	13.62	12.75	12.90	13.21	12.60
27	17.00	12.20	12.10	12.29	13.20	13.21	12.10	12.42	12.86	11.95
28	16.50	11.97	11.66	12.02	12.79	12.58	11.98	11.92	12.51	11.61
29	16.00	11.51	11.42	11.62	12.19	12.08	11.69	11.33	12.09	11.22
30	15.50	11.30	11.12	10.98	11.93	12.02	10.59	10.70	11.81	10.78
31	15.00	11.03	11.00	10.37	11.86	11.48	10.30	10.10	11.56	10.34

PHỤ LỤC 2.3. ĐỒ THỊ CÁC HÀM QUY ĐỔI SPT 2026 – TN THPT



<https://byvn.net/hdmy>,